2500

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VŨ QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1100/QĐ-UBND	*Vũ Quang, ngày 25 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VŨ QUANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 5084/UBND-NL5 ngày 15/7/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 4973/SNNMT-PTNTQLCL ngày 27/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp đề xuất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (bão số 5); Văn bản số 5830/SNNMT-PTNTQLCL ngày 2/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp đề xuất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do ảnh hưởng bão số 10 năm 2025; Văn bản số 68/SNNMT-PTNTQLCL của Sở Nông nghiệp - Môi trường về việc đề xuất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp do các cơn bão số 5,6,10 và các đợt mưa lũ trong năm 2025 theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 111-KL/ĐU ngày 24/8/2026 của Thường trực Đảng ủy về việc Kết luận của Thường trực Đảng uỷ về nội dung thuộc thẩm quyền;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hội đồng rà soát, thẩm định hồ sơ, đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025 trên địa bàn xã Vũ Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp do thiên tai gây ra năm 2025 trên địa bàn xã như sau:

1. Về danh sách đối tượng hỗ trợ có hồ sơ, điều kiện đảm bảo yêu cầu theo quy định, **toàn xã có 1.994 hộ** cụ thể:

*** Bão số 5, toàn xã có 1.408 hộ** trong đó thiệt hại trên 70% về lúa 216 hộ, về cây hàng năm 169 hộ, về lâm nghiệp 01 hộ; thiệt hại từ 30-70% về lúa có 319 hộ, cây hàng năm 696 hộ, về cây lâm nghiệp 07 hộ:

(Có phụ lục kèm theo)

*** Bão số 10, toàn xã có 586 hộ** trong đó thiệt hại trên 70% về cây lâm nghiệp 19 hộ; thiệt hại 30-70% về lúa 01 hộ, về cây hàng năm 03 hộ, về cây trồng lâu năm có 21 hộ, về cây lâm nghiệp có 516 hộ; về Thủy sản có 26 hộ.

(Có phụ lục kèm theo)

2. Mức thiệt hại và kinh phí hỗ trợ

Tổng kinh phí đề xuất hỗ trợ: Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ sau rà soát là **5.462.283.000 đồng** *(Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu hai trăm tám ba nghìn đồng)* giảm **8.997.716.000 đồng** so với kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt (cây trồng giảm 1.241.624.000 đồng, lâm nghiệp giảm 7.754.433.000 đồng, thủy sản giảm 4.659.000 đồng) cụ thể:

2.1 Lúa và cây hằng năm, tổng kinh phí hỗ trợ 799.258.000 đồng trong đó:

*** Bão số 5**

- Cây lúa (sau gieo trồng 45 ngày): Tổng diện tích lúa bị thiệt hại 42,18 ha; tổng kinh phí đề xuất hỗ trợ: 291.580.000 đồng:

+ Thiệt hại trên 70%: 16,14 ha x 10 triệu đồng/ha =161.400.000 đồng.

+ Thiệt hại trên từ 30 -70% : 26,04 ha x 5 triệu đồng/ha = 130.180.000 đồng.

- Cây hàng năm (giai đoạn cận thu hoạch): Tổng diện tích bị thiệt hại là 57,88 ha; kinh phí hỗ trợ 507.680.000 đồng trong đó :

+Thiệt hại trên 70%: 9,81 ha x 15 triệu đồng/ha =147.150.000 đồng.

+ Thiệt hại trên từ 30 -70% : 48,07 ha x 7,5 triệu đồng/ha = 360.530.000 đồng.

*** Bão số 10:**

- Lúa thiệt hại 30-70% (giai đoạn trên 45 ngày) **:** 0,05 ha x 5 triệu đồng/ha= 250.000 đồng.

- Cây hàng năm (giai đoạn cận thu hoạch) : Tổng diện tích thiệt hại 0,98 ha ; kinh phí hỗ trợ 8.625.000 đồng.

+ Thiệt hại trên 70% : 0,17 ha x 15 triệu đồng/ha= 2.550.000 đồng

+ Thiệt hại từ 30-70% : 0,76 ha x 7,5 triệu đồng/ha= 5.700.000 đồng

- Cây lâu năm : Tổng diện tích thiệt hại 3,19 ha, kinh phí hỗ trợ 34.618.000 đồng.

+ Vườn cây kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng không làm chết cây : thiệt hại 30-70%, diện tích 2,83 ha x 10 triệu đồng/ha= 28.318.000 đồng

+ Vườn cây kinh doanh làm chết hoặc được đánh giá không còn khả năng phục hồi, thiệt hại từ 30-70%, diện tích 0,42 ha x 15 triệu đồng/ha= 6.300.000 đồng.

2.2. Cây lâm nghiệp:

*** Bão số 5 : Tổng diện tích thiệt hại 9,51 ha, kinh phí hỗ trợ 58.701.750 đồng.**

- Thiệt hại trên 70% : giai đoạn đến ½ chu kỳ khai thác : 3 ha x 8 triệu đồng = 24.000.000 đồng

- Diện tích cây lâm nghiệp bị thiệt hại từ 30-70% là 6,51 ha, kinh phí hỗ trợ 34.700.000 đồng, cụ thể:

+ Giai đoạn mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (thiệt hại 30-70%): 4,04 ha x 4 triệu đồng/ha = 16.160.000 đồng

+ Giai đoạn trên 1/2 chu kỳ khai thác: 2,47 ha x 7,5 triệu đồng/ha = 18.540.000 đồng.

*** Bão số 10 :** Tổng diện tích thiệt hại 501,98 ha, kinh phí hỗ trợ 3.644.864.500 đồng

- Diện tích cây lâm nghiệp bị thiệt hại trên 70% (giai đoạn trên ½ chu kỳ) là 21,55 ha x 15 triệu đồng/ha, kinh phí hỗ trợ 323.190.000 đồng

- Diện tích cây lâm nghiệp bị thiệt hại từ 30-70% là 480,43 ha, kinh phí hỗ trợ làm tròn 3.321.670.000 đồng , cụ thể:

+ Giai đoạn mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (thiệt hại 30-70%): 80,45 ha x 4 triệu đồng/ha = 321.780.000 đồng

+ Giai đoạn trên 1/2 chu kỳ khai thác: 399,99 ha x 7,5 triệu đồng/ha = 2.999.890.000 đồng.

2.3. Thiệt hại về nuôi trồng thủy sản: tổng kinh phí hỗ trợ 916.341.000 đồng

- Nuôi trồng thủy sản bán thâm xanh, thâm canh: 0,5 ha x 60 triệu đồng/ha= 30.220.000 đồng

- Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: 28,84 lồng (lồng 100m3) x 30 triệu đồng/100m3= 865.200.000 đồng.

- Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác: 1,4 ha x 15 triệu đồng/ha= 20.930.00 đồng.

(Chi tiết có danh sách, mức thiệt hại và kinh phí hỗ trợ kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 151/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ**: 5.462.283.000 đồng** trong đó:

- Ngân sách trung ương: 4.369.826.620 đồng

- Ngân sách tỉnh: 1.092.456.655 đồng

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Phòng kinh tế:

- Chịu trách nhiệm phối hợp với các thôn và các đơn vị có liên quan tổ chức công khai danh sách, mức độ thiệt hại và mức hỗ trợ và tham mưu thực hiện việc cấp phát kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được phê duyệt; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ theo các Biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ, báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính

hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Thôn trưởng các thôn:

- Có trách nhiệm thông báo đến các hộ dân có tên trong danh sách; phối hợp thực hiện việc chi trả, kiểm tra, giám sát và phản ánh kịp thời các trường hợp sai sót, khiếu nại hoặc phát sinh.

3. Các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, diện tích sản xuất và thiệt hại đã kê khai, xác nhận.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nông nghiệp & MT; Sở Tài chính;
- Sở Tài chính;
- Chi cục Trồng trọt & Chăn nuôi;
- Chi cục Kiểm lâm;
- TTr Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Ban cán sự các thôn;
- Lưu VT/UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VŨ QUANG T. HÀ TĨNH

Tô Minh Hoài